**Mẫu số 14. Báo cáo tình hình nhập khẩu, xuất khẩu gỗ**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ BÁO CÁO ……………………….. --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------------** |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU GỖ(1)**

*(Tháng ….. năm 20.....)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gỗ(2)** | **Nguồn gốc gỗ(3)** | **Nhóm loài gỗ(4)** | **Đơn vị tính** | **Gỗ nhập trong kỳ** | | | | **Gỗ xuất trong kỳ** | | **Gỗ tồn cuối kỳ** |
| **Tồn kho đầu kỳ** | **Nhập trong kỳ** | | **Tổng cộng** |
| **Khối lượng** | **Số hóa đơn hoặc Tờ khai hải quan** | **Khối lượng** | **Số hóa đơn hoặc Tờ khai hải quan** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ GỖ** *(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Áp dụng báo cáo đột xuất và báo cáo định kỳ.

(2) Ghi tên thương mại của loài gỗ theo từng loài và theo dõi theo số hóa đơn khi nhập, xuất gỗ.

(3) Ghi rõ gỗ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên (RTN), rừng trồng (RTR) hoặc gỗ sau xử lý tịch thu (TT) hoặc gỗ nhập khẩu (NK).

(4) Ghi gỗ thuộc các Phụ lục CITES (PLI, PLII) hoặc gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm (IA, IIA) hoặc thuộc loài thông thường (TT).